TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2022/DS-PT
Ngày: 18/8/2022
V/v "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 177/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần N;

Địa chỉ: Đường C, Phường B, Quận B, TP. Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quốc T – Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (Công ty A);

Người đại diện theo pháp luật của Công ty A: Nguyễn Danh K – Chủ tịch công ty;

Người được ủy quyền lại:

1. Phạm An N1 – Phó Phòng xử lý nợ;

2. Nguyễn Văn T1 – Chuyên viên xử lý nợ;

3. Vũ Duy N2 – Chuyên viên xử lý nợ;

Cùng địa chỉ: Đường A, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Võ Thanh L, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp B, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Võ Thanh L.

(Ông Phạm An N1, ông Nguyễn Văn T1, ông Võ Thanh L có mặt; ông Vũ Duy N2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N trình bày:*

Ông Võ Thanh L có ký Hợp đồng tín dụng số 0026/2019/925-CV với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh T2 vào ngày 11/01/2019, mục đích vay hoàn tiền mua bất động sản phục vụ tiêu dùng, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất ban đầu theo hợp đồng 12,5%/năm, thay đổi 03 tháng/lần. Để bảo đảm thì ông L có làm Hợp đồng thế chấp số 0024/2019/925-BĐ ngày 11/01/2019, tại Phòng Công chứng P, thế chấp tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Quá trình thực hiện hợp đồng ông L chỉ mới thanh toán số tiền nợ gốc là 8.334.000 đồng và nợ lãi là 10.715.744 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 28/3/2022, ông Võ Thanh L còn nợ ngân hàng: Nợ gốc là 991.666.000 đồng, tiền lãi là 517.248.384 đồng. Tổng cộng là 1.508.914.384 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Võ Thanh L trả cho Ngân hàng một lần tổng số nợ phải trả là: 1.508.914.384 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, cho đến khi ông L trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Nếu ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn Võ Thanh L trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của phía nguyên đơn. Ông có đứng tên vay số tiền 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh T2, nay ông đồng ý trả số tiền còn nợ ngân hàng là 1.508.914.384 đồng. Do hiện tại ông không có khả năng thanh toán nợ, nên ông yêu cầu có thời gian để bán tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng là quyền sử dụng đất ông đang đứng tên để trừ nợ.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Võ Thanh L trả số tiền gồm nợ gốc là 991.666.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 09/5/2022 là 544.605.592 đồng, tổng cộng 1.536.271.592 đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, trường hợp đến hạn ông L vẫn không trả nợ thì cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày, đồng ý trả số tiền còn nợ như Ngân hàng trình bày, nhưng do không có khả năng trả nợ nên ông yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 90, 91, 94 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Buộc ông Võ Thanh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền gồm: Nợ gốc là 991.666.000 (chín trăm chín mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng và nợ lãi tính đến ngày 09/5/2022 là 544.605.592 (năm trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm lẻ năm nghìn năm trăm chín mươi hai) đồng. Tổng cộng là 1.536.271.592 (một tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm chín mươi hai) đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 10/5/2022, ông Võ Thanh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng vay tài sản, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đến hạn trả tiền nếu ông Võ Thanh L không trả hết các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để đảm bảo thi hành án. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất: Diện tích 1.210,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác, thửa số 391, tờ bản đồ số 30, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12168, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 30/8/2018.

- Tài sản gắn liền với đất: Không.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 16/5/2022, bị đơn ông Võ Thanh L có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thanh L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Ông Võ Thanh L nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung xét kháng cáo:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng có cơ sở xác định như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (gọi tắt là Ngân hàng TMCP N) và ông Võ Thanh L có ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0026/2019/925-CV ngày 11/01/2019. Theo đó, bên được cấp tín dụng là ông Võ Thanh L được cấp số tiền hạn mức vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày nhận nợ lần đầu, lãi suất vay 12,5%/năm và được điều chỉnh trong từng thời kỳ, mục đích vay: hoàn tiền mua bất động sản phục vụ nhu cầu đời sống, phương thức trả nợ: trả nợ gốc và lãi theo định kỳ được hai bên thỏa thuận trong giấy nhận nợ và lịch trả nợ.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 0024/2019/925-BĐ ngày 11/01/2019. Theo đó, ông Võ Thanh L thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 391, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.210,5m^2, mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12168 ngày 30/8/2018, chỉnh lý biến động trang 3 chuyển nhượng cho ông Võ Thanh L ngày 08/01/2019, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0026/1029/925-CV ngày 11/01/2019.

Ngày 14/01/2019, hai bên ký kết Giấy nhận nợ số 01/GNN-0026/2019/925-CV. Theo đó, số tiền ông Võ Thanh L nhận nợ là 1.000.000.000 đồng, trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn 01 tháng/lần vào ngày 14, ngày trả đầu tiên là ngày 14/02/2019, đồng thời hai bên có thỏa thuận "*Bên được cấp tín dụng cam kết đương nhiên nhận nợ đối với số tiền giải ngân tại Giấy nhận nợ này và chịu trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng hạn, thực hiện đúng các điều kiện, điều khoản trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng bảo đảm.*"

Thực hiện hợp đồng, ông Võ Thanh L có trả cho Ngân hàng TMCP N 01 kỳ nợ gốc là 8.334.000 đồng và lãi là 10.715.744 đồng và còn nợ Ngân hàng TMCP N nợ gốc 991.666.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 09/5/2022 là 544.605.592 đồng.

Tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

"Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định."

"Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ, sự thừa nhận của các đương sự nêu trên, đối chiếu quy định của pháp luật đã viện dẫn, xét thấy Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang buộc ông Võ Thanh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ gốc và lãi (tính đến ngày 09/5/2022) là 1.536.271.592 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0026/2019/925-CV ngày 11/01/2019 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Võ Thanh L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh phản bác nội dung bản án sơ thẩm. Do vậy yêu cầu kháng cáo của ông Võ Thanh L không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Võ Thanh L thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[5]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Thanh L.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Buộc ông Võ Thanh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền 1.536.271.592 đồng (gồm nợ gốc là 991.666.000 đồng và lãi tính đến ngày 09/5/2022 là 544.605.592 đồng).

Kể từ ngày 10/5/2022, ông Võ Thanh L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi theo Hợp đồng số 0026/2019/925-CV ngày 11/01/2019 cho đến khi thanh toán xong.

Đến hạn trả tiền, nếu ông Võ Thanh L không thực hiện thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0024/2019/925-BĐ ngày 11/01/2019 để thu hồi nợ đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 391, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.210,5m^2, đất trồng cây hàng năm khác tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12168 ngày 30/8/2018.

3. Án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Võ Thanh L.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Huy